

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	So sánh (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	60.000	76.218	127,0	155,2
I	Thu cân đối NSNN	47.390	24.543	51,8	100,0
1	Thu nội địa	47.390	24.543	51,8	100,0
2	Thu viện trợ				
II	Thu theo mục tiêu quản lý qua NSNN	12.610	5.127	40,7	48,6
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		46.548		74,0
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	480.191	253.933	52,9	110,4
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	467.581	248.868	53,2	112,2
1	Chi đầu tư phát triển	26.784	31.797	118,7	121,7
2	Chi thường xuyên	432.057	215.075	49,8	110,2
3	Dự phòng ngân sách	8.740	1.806	20,7	344,3
4	Chi nộp ngân sách cấp trên		190		
II	Chi mục tiêu quản lý qua NSNN	12.610	5.065	40,2	61,5

Tuyên Hóa, ngày 13 tháng 7 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



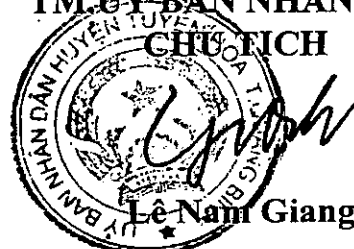
Lê Nam Giang

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	So sánh (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	60.000	29.720	49,5	84,7
I	Thu nội địa	60.000	29.720	49,5	84,7
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	18.500	9.691	52,4	107,3
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.200	512	42,7	99,7
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	7.600	3.913	51,5	109,8
7	Thu phí, lệ phí	3.000	1.745	58,2	171,6
8	Các khoản thu về nhà, đất	10.790	5.415	50,2	83,3
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10		0,0	
-	Thu tiền sử dụng đất	9.030	4.370	48,4	84,8
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.750	1.045	59,7	77,4
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	2.835	1.184	41,8	107,4
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
12	Thu cố định tại xã	965	657	68,1	128,3
13	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	2.500	1.475	59,0	63,9
14	Thu theo mục tiêu quản lý qua NSNN	12.610	5.127	40,7	48,6
II	Thu viện trợ				
B	THU NS HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	54.714	27.937	51,1	101,5
1	Từ các khoản thu phân chia	12.943	7.006	54,1	179,4
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	41.771	20.931	50,1	88,6

Tuyên Hóa, ngày 13 tháng 7 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm	Thực hiện 06 tháng, năm 2017	So sánh (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	480.191	253.933	52,9	110,6
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	467.581	248.868	53,2	112,5
1	Chi đầu tư phát triển	26.784	31.797	118,7	121,7
1	Chi đầu tư cho các dự án	26.784	24.728	92,3	94,6
2	Chi đầu tư phát triển khác		7.069		
II	Chi thường xuyên	432.057	215.075	49,8	110,2
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	219.255	109.863	50,1	116,5
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	38.091	7.150	18,8	75,6
4	Chi văn hóa thông tin	1.623	1.004	61,9	116,3
5	Chi phát thanh, truyền hình	2.177	1.201	55,2	102,9
6	Chi thể dục thể thao	350	350	100,0	
7	Chi bảo vệ môi trường	3.913	2.134	54,5	102,9
8	Chi hoạt động kinh tế	18.095	855	4,7	128,0
9	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	32.273	18.382	57,0	115,9
10	Chi bảo đảm xã hội	30.482	24.436	80,2	103,8
III	Dự phòng ngân sách	8.740	1.806	20,7	344,3
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		190		
B	CHI MỤC TIÊU QUẢN LÝ QUA NSNN	12.610	5.065	40,2	61,5

Tuyên Hóa, ngày 13 tháng 7 năm 2017

TM ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Nam Giang